

Số: 1166 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 12 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 2 (đợt 24)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất ở cụ thể để lập

phương án bồi thường, GPMB đối với 04 dự án tại Khu Đô thị Becamex A thuộc Phân khu 07, Khu Kinh tế Nhơn Hội;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư - dân cư tại Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội tại Tờ trình số 45/TTr-HĐBT ngày 07/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 2 thuộc Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7) tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (đợt 24), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp và tài sản trên đất cho một số hộ dân và tổ chức; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **780.456.896 đồng** (Bảy trăm tám mươi triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 765.153.820 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 15.303.076 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

2. Giá trị bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mả cho 02 hộ dân và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **26.928.000 đồng** (Hai mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 26.400.000 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 528.000 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

3. Điều chỉnh thông tin của 02 hộ dân đã được phê duyệt tại Quyết định số 4106/QĐ-UBND ngày 07/12/2022, Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

(Chi tiết như Phụ lục số 03 kèm theo Quyết định này)

* Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Công ty cổ phần Becamex Bình Định.

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư - dân cư tại Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản

lý Khu kinh tế; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Giám đốc Công ty cổ phần Becamex Bình Định; Chủ tịch UBND huyện Vân Canh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ BỔ SUNG CHO MỘT SỐ HỘ DÂN, TỔ CHỨC BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ HIỆP VINH 2 THUỘC KHU CÔNG NGHIỆP - ĐÔ THỊ BECAMEX A (PHÂN KHU 7), TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 24)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân, tổ chức	Địa chỉ	Nhân khẩu	Thông tin theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi đo đạc năm 2017					Loại đất	Vị trí	Hạng/nhóm đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ				Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
				Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)				Bồi thường về đất	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề	Bồi thường cây cối, hoa màu	Bồi thường, hỗ trợ VKT		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
I	Đất của hộ gia đình, cá nhân			8		14.097,8	14.097,8	0	0	11	8	221.393.200	384.942.600	148.202.300	5.992.220	760.530.320	
1	Lê Văn Đi	Hiệp Vinh 2		43	12	929,9	929,9	0,0	RSX	2	1	13.018.600	19.527.900	8.118.600	0	40.665.100	
2	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Hộ khẩu: 300 Bạch Đằng, thành phố Quy Nhơn Thường trú: Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh		274	2	1.292,3	1.292,3	0,0	RSX	2	1	18.092.200	27.138.300	11.354.300	0	56.584.800	
3	Nguyễn Văn Thứ	Hiệp Vinh 2		218	2	3.904,9	3.904,9	0,0	RSX	2	1	54.668.600	82.002.900	25.855.200	5.992.220	168.518.920	
4	Nguyễn Văn Môn	Cánh An 2, Phước Thành, Tuy Phước		1	21	6.710,9	6.710,9	0,0	RSX	2	1	93.952.600	140.928.900	45.449.700		280.331.200	

STT	Hộ dân, tổ chức	Địa chỉ	Nhân khẩu	Thông tin theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi đo đạc năm 2017					Loại đất	Vị trí	Hạng/nhóm đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ				Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
				Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)				Bồi thường về đất	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề	Bồi thường cây cối, hoa màu	Bồi thường, hỗ trợ VKT		
5	Trần Văn Nhơn	Hiệp Vinh 2		110	21											50.362.200	đất UBND xã quản lý
				129	21												
6	Huỳnh Văn Tánh, vợ Đỗ Thị Tám	Hiệp Vinh 1		355	21	800,8	800,8		LUK	1	3	35.235.200	105.705.600	3.603.600		144.544.400	
7	Nguyễn Ngọc Hùng, vợ Huỳnh Thị Khương	Hiệp Vinh 2		127	20	459,0	459,0		RSX	2	1	6.426.000	9.639.000	3.458.700		19.523.700	
II	Tổ chức			24		62.852,4	28.115,9	34.736,5				0	0	0	0	0	
				110	21	4.040,4	4.040,4	0,0									
				129	21	3.566,0	3.566,0	0,0									
				394	2	2.941,2	1.666,9	1.274,3	DGT								
				395	2	24.770,8	7.398,7	17.372,1	DGT								
				111	12	2.827,1	0,7	2.826,4	DGT								
				115	12	89,2	89,2	0,0	DTL								
				510	13	14.244,5	2.986,8	11.257,7	DGT								

STT	Hộ dân, tổ chức	Địa chỉ	Nhân khẩu	Thông tin theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi đo đạc năm 2017					Loại đất	Vị trí	Hạng/nhóm đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ				Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
				Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)				Bồi thường về đất	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề	Bồi thường cây cối, hoa màu	Bồi thường, hỗ trợ VKT		
1	UBND xã Canh Vinh	Hiệp Vinh 1		529	13	318,8	38,2	280,6	DTL							0,0	
				90	14	556,2	533,6	22,6	DGT								
				92	14	394,1	238,3	155,8	DGT								
				94	14	219,4	219,4	0,0	DGT								
				95	14	49,3	49,3	0,0	DTL								
				96	14	1.918,7	917,5	1.001,2	DTL								
				303	20	487,5	487,5	0,0	DGT								
				305	20	502,3	502,3	0,0	DGT								
				326	21	309,2	294,6	14,6	DGT								
				327	21	94,5	21,7	72,8	DTL								
				328	21	70,8	70,8	0,0	DTL								
				333	21	47,4	47,4	0,0	DTL								
				334	21	331,1	67,9	263,2	DTL								
				344	21	339,1	237,1	102,0	DGT								
				348	21	2.121,5	2.121,5	0,0	DTL								
				351	21	2.417,0	2.397,2	19,8	DGT								

[illegible]

0

0

Phụ lục số 02

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO 02 HỘ DÂN CÓ MÒ MẢ, VẬT KIẾN TRÚC BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ HIỆP VINH 2 THUỘC KHU CÔNG NGHIỆP - ĐÔ THỊ BECAMEX A (PHÂN KHU 7), TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 24)
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Đơn giá Mô mả di dời		Tổng mộ	Giá trị BT mồ mả (đồng)	Giá trị BT, HT VKT (đồng)	giá trị BT (đồng)
			Mộ đất	Mộ xây				
I	Mồ mả, VKT		11	0	11			
1	Huỳnh Thanh Tuyên	KP Vân Hội 2, TT Điều Trì	6	0	6	14.400.000		14.400.000
2	Mộ Thanh Minh Thôn Hiệp Vinh 2, ông Nguyễn Đăng Thứ ĐDKK	Thôn Hiệp Vinh 2	5	0	5	12.000.000		12.000.000
A	Tổng kinh phí BT, HT					26.400.000		26400000
B	Chi phí phục vụ GPMB (2%)							528.000
C	Tổng cộng (A+B)							26.928.000

Phụ lục số 03
BẢNG ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN CỦA 02 HỘ DÂN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT
ĐỊNH SỐ 4106/QĐ-UBND NGÀY 07/12/2022 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 91/QĐ-UBND
NGÀY 10/01/2023 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Quyết định số 4106/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 Chủ tịch UBND tỉnh								
STT	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích thu hồi	Thông tin đã được phê duyệt		Thông tin điều chỉnh		Ghi chú
				Tổ chức	Địa chỉ	Hộ gia đình	Địa chỉ	
1	538	13	132,1	UBND xã Canh Vinh	Hiệp Vinh 1	Lê Văn Nhiều	Hiệp Vinh 2	Điều chỉnh tên chủ sử dụng đất
Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh								
STT	Hộ dân	Địa chỉ	Thửa đất	Tờ bản đồ	Thông tin được phê duyệt		Thông tin đề nghị điều chỉnh	
					Diện tích thửa đất (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Diện tích thửa đất (m2)	Diện tích còn lại (m2)
1	Trần Văn Minh (chết), vợ Kiều Thị Búp	Thôn Hiệp Vinh 2	81	14	303,4	289,6	304,3	290,5